

SỞ GD&ĐT THANH HÓA
TRƯỜNG THPT HÀ TRUNG
ĐỀ THI THAM KHẢO

KỲ THI TỐT NGHIỆP TRUNG HỌC PHỔ THÔNG
NĂM HỌC 2024 - 2025
MÔN THI: ĐỊA LÍ

(Thời gian làm bài: 50 phút, không kể thời gian phát đề)

PHẦN I. Câu trắc nghiệm nhiều phương án lựa chọn. Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 18. Mỗi câu hỏi thí sinh chỉ chọn một phương án

Câu 1: (ID: 758839) Vùng biển Việt Nam tiếp giáp với vùng biển của quốc gia nào sau đây?

- A. Lào. B. Thái Lan. C. Đông Ti-Mo. D. Mi-an-ma.

Câu 2: (ID: 758840) Đặc trưng nổi bật của thời tiết miền Bắc nước ta vào đầu mùa đông là

- A. lạnh khô và nhiều mưa. B. lạnh khô và ít mưa.
C. lạnh ẩm và có mưa phùn. D. nóng ẩm và có mưa phùn.

Câu 3: (ID: 758841) Các cánh rừng phi lao ven biển của miền Trung là loại rừng

- A. sản xuất. B. phòng hộ. C. đặc dụng. D. khoanh nuôi.

Câu 4: (ID: 758842) Đô thị nào sau đây gắn với chức năng dịch vụ cảng biển của nước ta?

- A. Hải Phòng. B. Hải Dương. C. Thái Nguyên. D. Hà Nội.

Câu 5: (ID: 758843) Lao động thành thị của nước ta hiện nay

- A. có kinh nghiệm về nông nghiệp, trình độ cao. B. số lượng tăng lên, đều đã qua đào tạo.
C. số lượng ít hơn nông thôn, đang tăng. D. chủ yếu hoạt động trong dịch vụ, tỉ lệ giảm.

Câu 6: (ID: 758844) Vùng có số lượng đàn trâu phát triển nhất nước ta là

- A. Đồng bằng sông Hồng. B. Duyên hải Nam Trung Bộ.
C. Bắc Trung Bộ. D. Trung du và miền núi Bắc Bộ.

Câu 7: (ID: 758845) Vùng biển có khả năng khai thác năng lượng gió tốt nhất là

- A. từ Bình Định đến Cà Mau. B. từ Quảng Ninh đến Hải Phòng.
C. từ Thanh Hoá đến Quảng Trị. D. từ Thừa Thiên Huế đến Quảng Ngãi.

Câu 8: (ID: 758846) Để tăng cường mối quan hệ giữa Việt Nam với Lào, loại hình vận tải nào sau đây được chú trọng?

- A. Đường biển, đường bộ. B. Đường sắt, đường bộ.
C. Đường sắt, đường biển. D. Đường biển, đường hàng không.

Câu 9: (ID: 758847) Đặc điểm nào sau đây **không đúng** với hoạt động nội thương nước ta?

- A. Có nhiều thành phần kinh tế tham gia. B. Mạng lưới phân bố rộng khắp cả nước.
C. Phân bố khá đồng đều giữa các vùng. D. Thương mại điện tử có xu hướng tăng.

Câu 10: (ID: 758848) Vùng Đồng bằng Sông Hồng và duyên hải Đông Bắc có sản phẩm du lịch đặc trưng nào sau đây?

- A. Gần với tìm hiểu bản sắc văn hoá các dân tộc.
- B. Du lịch thể thao, tham quan hệ sinh thái cao nguyên.
- C. Du lịch đô thị gần với tham quan thắng cảnh biển.
- D. Du lịch sinh thái, văn hóa sông nước miệt vườn.

Câu 11: (ID: 758849) Đồng bằng Sông Cửu Long hiện nay đứng đầu cả nước về

- A. sản xuất lương thực và nuôi thủy sản nước ngọt.
- B. khai thác hải sản, chuyên canh cây công nghiệp.
- C. cây ăn quả cận nhiệt và khai thác gỗ xuất khẩu.
- D. nuôi thủy sản nước mặn, trồng rau đậu các loại.

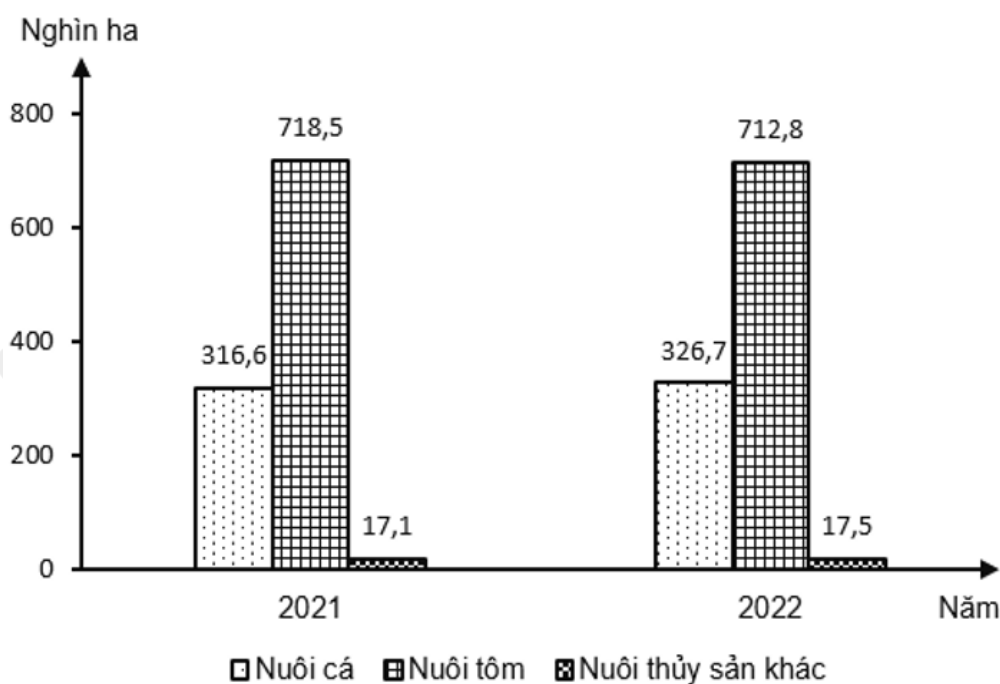
Câu 12: (ID: 758850) Ở các tỉnh Thái Nguyên, Bắc Giang, đang phát triển mạnh ngành công nghiệp nào sau đây?

- A. Sản xuất sản phẩm điện tử.
- B. Khai thác khoáng sản.
- C. Khai thác thủy điện.
- D. Sản xuất, chế biến thực phẩm.

Câu 13: (ID: 758851) Đặc điểm địa hình của miền Tây Bắc và Bắc Trung Bộ là

- A. nhiều cồn cát ven biển.
- B. chủ yếu là đồi núi thấp.
- C. có các cao nguyên badan.
- D. đồng bằng châu thổ lớn.

Câu 14: (ID: 758852) Cho biểu đồ sau:



**BIỂU ĐỒ VỀ DIỆN TÍCH THU HOẠCH THỦY SẢN NỘI ĐỊA
CỦA NƯỚC TA NĂM 2021 VÀ NĂM 2022**

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2022, 2023. Nxb Thống kê)

Nhận xét nào sau đây đúng với biểu đồ trên?

- A. Nuôi thủy sản khác và nuôi tôm đều giảm về diện tích thu hoạch thủy sản nội địa.

B. Nuôi tôm năm 2022 có diện tích tăng thêm 5,7 nghìn ha so với 2021.

C. Nuôi thủy sản khác giảm nhiều nhất về diện tích thu hoạch thủy sản nội địa.

D. Nuôi tôm hàng năm luôn đứng đầu về diện tích thu hoạch thủy sản nội địa.

Câu 15: (ID: 758853) Hậu quả nghiêm trọng nhất của tình trạng di dân tự do tới những vùng trung du và miền núi ở nước ta là

A. gia tăng sự mất cân đối tỷ số giới tính giữa các vùng.

B. các vùng xuất cư thiếu hụt lao động.

C. làm tăng thêm khó khăn cho vấn đề việc làm ở vùng nhập cư.

D. tài nguyên và môi trường ở các vùng nhập cư bị suy giảm.

Câu 16: (ID: 758854) Sản lượng than ở nước ta có xu hướng tăng trong thời gian gần đây do

A. trình độ lao động nâng cao, thu hút nhiều vốn đầu tư nước ngoài.

B. xây dựng nhiều nhà máy nhiệt điện, thu hút nhiều lao động di cư.

C. nhu cầu tiêu thụ mở rộng, đầu tư trang thiết bị khai thác hiện đại.

D. thu hút vốn đầu tư nước ngoài, nhu cầu xuất khẩu tăng rất nhanh.

Câu 17: (ID: 758855) Xuất khẩu trái cây nước ta có xu hướng tăng mạnh trong những năm gần đây chủ yếu do

A. tăng cường quản lý Nhà nước, sản phẩm đa dạng.

B. nguồn vốn đầu tư lớn, xây dựng được thương hiệu.

C. sản phẩm chất lượng tốt, có chỉ dẫn địa lý rõ ràng.

D. thị trường mở rộng, công nghiệp chế biến phát triển.

Câu 18: (ID: 758856) Chế độ nhiệt vùng núi Đông Bắc nước ta khác với vùng núi Tây Bắc chủ yếu do

A. vị trí gần hay xa biển và các dãy núi hướng vòng cung.

B. tác động của gió mùa Đông Bắc và hướng các dãy núi.

C. tác động của gió tây nam và hướng nghiêng địa hình.

D. Tín phong bán cầu Bắc và độ dốc của các dãy núi cao.

PHẦN II. Câu trắc nghiệm đúng sai. Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 4. Trong mỗi ý a), b), c), d) ở mỗi câu, thí sinh chọn đúng hoặc sai

Câu 1: (ID: 759428) Cho thông tin sau:

Nhiệt độ trung bình năm đều lớn hơn 20°C (trừ vùng núi cao). Lượng mưa trung bình năm 1500 - 2000mm/năm, độ ẩm trên 80%. Chịu tác động mạnh mẽ của các khối khí hoạt động theo mùa, với hai mùa gió chính là gió mùa đông và gió mùa hạ.

a) Đây là đặc điểm của khí hậu nhiệt đới ẩm gió mùa.

b) Trên lãnh thổ nước ta chỉ có gió mùa hoạt động.

c) Nhiệt độ trung bình năm lớn do nằm trong vùng nội chí tuyến.

d) Lượng mưa phân bố đều trên khắp lãnh thổ do các khối khí di chuyển qua biển.

Câu 2: (ID: 759429) Cho thông tin sau:

Việt Nam có đường bờ biển dài trên 3260 km, bao gồm diện tích vùng lãnh hải thuộc chủ quyền, quyền chủ quyền, quyền tài phán rộng trên 1 triệu km² tạo nên lợi thế địa – kinh tế – chính trị đặc biệt quan trọng. Đô thị biển hiện nay ở nước ta được quy hoạch phát triển theo mô hình đa chức năng, tập trung vào 4 loại chức năng chủ yếu là: đô thị tổng hợp, đô thị hành chính, đô thị du lịch và đô thị công nghiệp – cảng.

a) Hiện nay nước ta đang xây dựng được các hành lang đô thị, dải đô thị...

b) Việc phát triển các chuỗi đô thị ven biển ở nước ta dựa trên thuận lợi về vị trí, cơ sở vật chất kĩ thuật, cơ sở hạ tầng, nền kinh tế phát triển...

c) Đồng bằng sông Hồng là vùng có mức độ tập trung đô thị cao nhất và có nhiều đô thị biển nhất nước ta.

d) Các đô thị ven biển phát triển nhanh chủ yếu do thu hút được nhiều vốn đầu tư nước ngoài và đẩy mạnh phát triển du lịch.

Câu 3: (ID: 759431) Cho thông tin sau:

Từ năm 2003, Nhà máy Dệt Nam Định được Nhà nước xếp vào danh mục cơ sở gây ô nhiễm nghiêm trọng và buộc phải di dời khỏi trung tâm thành phố. Đến nay, việc di dời đã được tiến hành đồng thuận, bài bản và khoa học. Trên nền đất cũ của nhà máy, nhiều công trình gắn liền với ký ức của dệt Nam Định đã được giữ lại.

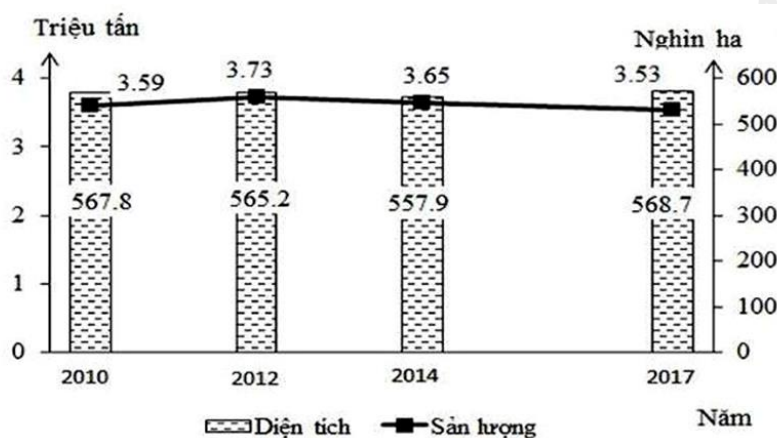
a) Dệt may là ngành truyền thống lâu đời ở nước ta.

b) Đẩy mạnh phát triển dệt, may cũng đặt ra vấn đề môi trường lớn cho các vùng.

c) Phát triển dệt may mang lại ý nghĩa lớn trong việc thúc đẩy sự phát triển của nhiều ngành kinh tế trong đó có nông nghiệp.

d) Trong giai đoạn tới, khi máy móc hiện đại được áp dụng vào sản xuất thì lực lượng lao động thủ công sẽ được sử dụng chủ yếu trong ngành dệt, may.

Câu 4: (ID: 759432) Cho biểu đồ:



DIỆN TÍCH VÀ SẢN LƯỢNG LÚA ĐÔNG XUÂN CỦA ĐỒNG BẰNG SÔNG HỒNG,
GIAI ĐOẠN 2010 - 2017

(Số liệu theo Niên giám thống kê Việt Nam 2018, NXB Thống kê, 2019)

- a) Sản lượng lúa đông xuân của Đồng bằng sông Hồng giảm liên tục.
b) Năng suất lúa vụ đông xuân của Đồng bằng sông Hồng năm 2017 là 62,1 tạ/ha.
c) Năng suất lúa đông xuân của của Đồng bằng sông Hồng ngày càng tăng.
d) Sản lượng lúa vụ đông xuân có xu hướng giảm, năng suất giảm.

PHẦN III. Câu trắc nghiệm trả lời ngắn. Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 6

Câu 1: (ID: 759442) Cho bảng số liệu:

Số giờ nắng các tháng tại trạm quan trắc Quy Nhơn, năm 2021

(Đơn vị: Giờ)

Tháng	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
Số giờ nắng	108,4	203,9	260,0	260,7	312,0	270,5	224,1	283,6	184,4	142,1	78,9	101,9

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2021, NXB Thống kê, 2022)

Cho biết số giờ nắng trung bình các tháng trong năm tại trạm quan trắc Quy Nhơn năm 2021 là bao nhiêu giờ? (làm tròn kết quả đến hàng đơn vị).

Câu 2: (ID: 759445) Cho bảng số liệu:

Nhiệt độ trung bình các tháng của Hà Nội và Cà Mau năm 2022

(Đơn vị: °C)

Tháng	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
Hà Nội (Láng)	18,6	15,3	23,1	24,8	26,8	31,4	30,6	29,9	29,0	26,2	26,0	17,8
Cà Mau	27,1	27,9	28,0	28,7	28,6	28,7	27,9	27,8	27,4	27,7	26,7	26,6

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam năm 2022)

Căn cứ vào bảng số liệu trên, hãy cho biết nhiệt độ trung bình năm của Hà Nội thấp hơn nhiệt độ trung bình năm của Cà Mau bao nhiêu °C? (làm tròn đến một chữ số thập phân).

Câu 3: (ID: 759446) Năm 2023, tỉ suất sinh thô của nước ta là 14,2‰, tỉ suất chết thô là 5,7‰. Tỉ lệ gia tăng tự nhiên của nước ta là bao nhiêu phần trăm? (làm tròn kết quả đến hai chữ số thập).

Câu 4: (ID: 759447) Năm 2021, nước ta có sản lượng thủy sản khai thác là 3,9 triệu tấn và sản lượng thủy sản nuôi trồng là 4,9 triệu tấn. Hãy cho biết tỉ trọng sản lượng thủy sản nuôi trồng của nước ta trong tổng sản lượng thủy sản là bao nhiêu phần trăm (làm tròn kết quả đến một chữ số thập phân).

Câu 5: (ID: 759448) Năm 2021, tổng số dân nước ta là 98,5 triệu người, sản lượng điện là 244,9 tỉ kWh. Hãy cho biết sản lượng điện bình quân đầu người của nước ta năm 2021 là bao nhiêu nghìn kWh/người (làm tròn kết quả đến một chữ số thập phân).

Câu 6: (ID: 759449) Năm 2022, dân số nước ta là 99,5 triệu người, trong đó dân số thành thị là 37,1 triệu người. Hãy cho biết tỉ lệ dân nông thôn ở nước ta năm 2022 là bao nhiêu phần trăm (làm tròn kết quả đến một chữ số thập phân thứ nhất).

----- HẾT -----

HƯỚNG DẪN GIẢI CHI TIẾT

THỰC HIỆN: BAN CHUYÊN MÔN TUYENSINH247.COM

PHẦN I. Câu trắc nghiệm nhiều phương án lựa chọn. Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 18. Mỗi câu hỏi thí sinh chỉ chọn một phương án

1.B	2.B	3.B	4.A	5.C	6.D	7.A	8.B	9.C	10.C
11.A	12.A	13.A	14.D	15.D	16.C	17.D	18.B		

Câu 1 (NB):

Phương pháp:

Dựa vào kiến thức phần vị trí địa lí và phạm vi lãnh thổ.

Cách giải:

Vùng biển nước ta tiếp giáp với biển các nước Trung Quốc, Campuchia, Thái Lan, Malaixia, Xingapo, Ấnônêxia, Brunây và Philippin.

Chọn B.

Câu 2 (NB):

Phương pháp:

Dựa vào kiến thức phần Thiên nhiên phân hóa đa dạng.

Cách giải:

Đặc trưng nổi bật của thời tiết miền Bắc nước ta vào đầu mùa đông là lạnh khô và ít mưa do sự tác động mạnh mẽ của gió mùa Đông Bắc.

Chọn B.

Câu 3 (VD):

Phương pháp:

Vận dụng kiến thức đã học phần lâm nghiệp.

Cách giải:

Các cánh rừng phi lao ven biển của miền Trung là loại rừng phòng hộ. Những cánh rừng này có vai trò quan trọng trong việc bảo vệ bờ biển khỏi xói mòn, bảo vệ các khu vực đất liền khỏi ảnh hưởng của gió mạnh và bão, đồng thời hạn chế sự xâm nhập của cát và gió biển vào các khu dân cư. Ngoài ra, rừng phi lao còn giúp cải thiện môi trường sinh thái và bảo vệ sự đa dạng sinh học ven biển.

Chọn B.

Câu 4 (VD):

Phương pháp:

Vận dụng kiến thức đã học phần đô thị hóa.

Cách giải:

Hải Phòng gắn với chức năng dịch vụ cảng biển của nước ta. Hải Phòng là một trong những cảng biển lớn nhất và phát triển nhất của nước ta, với cảng Hải Phòng là cửa ngõ quan trọng cho việc xuất nhập khẩu hàng hóa của cả khu vực Bắc Bộ. Cảng Hải Phòng không chỉ có vai trò quan trọng trong việc phát triển kinh tế khu vực mà còn góp phần vào sự phát triển chung của nền kinh tế quốc dân.

Chọn A.

Câu 5 (NB):

Phương pháp:

Dựa vào kiến thức đã học phân lao động và việc làm.

Cách giải:

Lao động thành thị của nước ta hiện nay số lượng ít hơn nông thôn, đang tăng.

*Bảng 6.7. Cơ cấu lao động theo khu vực thành thị và nông thôn ở nước ta giai đoạn 2010 – 2021
(Đơn vị: %)*

Tiêu chí \ Năm	2010	2015	2021
Khu vực thành thị	28,3	31,2	36,7
Khu vực nông thôn	71,7	68,8	63,3

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam năm 2016, 2022)

Chọn C.

Câu 6 (NB):

Phương pháp:

Dựa vào kiến thức đã học phân tình hình phát triển ngành chăn nuôi.

Cách giải:

Vùng có số lượng đàn trâu phát triển nhất nước ta là Trung du và miền núi Bắc Bộ (chiếm trên 50% đàn trâu cả nước). Trâu là vật nuôi khỏe, ưa khí hậu ẩm, chịu rét giỏi và thích nghi với điều kiện chăn thả trong rừng nên rất thích hợp phát triển với khí hậu có mùa đông lạnh của miền Bắc kết hợp với địa hình đồi núi, có nhiều đồng cỏ và nhiều cánh rừng lớn của vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ.

Chọn D.

Câu 7 (VD):

Phương pháp:

Mở rộng kiến thức phân công nghiệp sản xuất điện.

Cách giải:

Theo Báo cáo về tiềm năng năng lượng gió, sóng ngoài khơi tại các vùng biển Việt Nam của Tổng cục Khí tượng thủy văn (Bộ Tài nguyên và Môi trường), các vùng biển có khả năng khai thác tiềm năng năng lượng gió tốt nhất là Bình Định đến Ninh Thuận, Bình Thuận đến Cà Mau và một phần vùng biển trung tâm vịnh Bắc Bộ.

Chọn A.

Câu 8 (VD):

Phương pháp:

Vận dụng kiến thức đã học phần giao thông vận tải.

Cách giải:

Để tăng cường mối quan hệ giữa Việt Nam với Lào, loại hình vận tải đường sắt, đường bộ được chú trọng. Vì Lào là một quốc gia không có biển, nên giao thương chủ yếu giữa hai nước là qua đường bộ và đường sắt. Các tuyến đường bộ và đường sắt giúp kết nối các khu vực của Việt Nam với Lào, thúc đẩy hợp tác trong thương mại, du lịch và các lĩnh vực khác.

Chọn B.

Câu 9 (NB):

Phương pháp:

Dựa vào kiến thức đã học phần thương mại.

Cách giải:

Hoạt động nội thương nước ta phân bố không đều giữa các vùng. Các khu vực đô thị, đặc biệt là các thành phố lớn như Hà Nội, Hồ Chí Minh, Đà Nẵng, có mạng lưới phân phối hàng hóa và dịch vụ phát triển mạnh mẽ, trong khi các vùng nông thôn, miền núi còn gặp khó khăn trong việc tiếp cận hàng hóa và dịch vụ.

Chọn C.

Câu 10 (VD):

Phương pháp:

Phân tích kiến thức đã học phần du lịch.

Cách giải:

Vùng Đồng bằng Sông Hồng và duyên hải Đông Bắc có sản phẩm du lịch đặc trưng là du lịch đô thị gắn với tham quan thắng cảnh biển. Khu vực này nổi bật với các thành phố như Hà Nội, Hải Phòng, và Quảng Ninh, nơi kết hợp giữa du lịch đô thị và các thắng cảnh thiên nhiên, đặc biệt là các điểm du lịch ven biển như Vịnh Hạ Long, Cát Bà, các di sản văn hóa, và các hoạt động du lịch biển.

Chọn C.

Câu 11 (NB):

Phương pháp:

Dựa vào kiến thức đã học phần Đồng bằng sông Cửu Long.

Cách giải:

Đồng bằng Sông Cửu Long hiện nay đứng đầu cả nước về sản xuất lương thực và nuôi thủy sản nước ngọt.

- Lúa là cây lương thực chính của vùng Đồng bằng sông Cửu Long (chiếm hơn 99% diện tích cây lương thực có hạt). Đồng bằng sông Cửu Long là vựa lúa lớn nhất nước ta, diện tích và sản lượng lúa luôn chiếm trên 50%, năng suất lúa cả năm luôn cao hơn trung bình cả nước.

- Diện tích mặt nước nuôi trồng thủy sản ở Đồng bằng sông Cửu Long lớn, chiếm khoảng 70,9% của cả nước năm 2021.

Chọn A.

Câu 12 (VD):

Phương pháp:

Dựa vào kiến thức đã học phần công nghiệp.

Cách giải:

Ở các tỉnh Thái Nguyên và Bắc Giang, ngành công nghiệp sản xuất sản phẩm điện tử đang phát triển mạnh. Thái Nguyên và Bắc Giang đã thu hút nhiều dự án đầu tư lớn từ các công ty điện tử toàn cầu, đặc biệt là các công ty như Samsung và Foxconn. Các khu công nghiệp tại đây chuyên sản xuất các thiết bị điện tử, linh kiện điện tử, và các sản phẩm công nghệ cao. Ngành công nghiệp điện tử ở khu vực này đóng vai trò quan trọng trong nền kinh tế địa phương và cả nước.

Chọn A.

Câu 13 (NB):

Phương pháp:

Dựa vào kiến thức đã học phần Các miền tự nhiên.

Cách giải:

Miền Tây Bắc và Bắc Trung Bộ là miền có địa hình cao nhất cả nước với nhiều đỉnh núi cao trên 2 000 m. Khu vực Tây Bắc có dãy Hoàng Liên Sơn kéo dài theo hướng tây bắc – đông nam; giáp biên giới Việt – Lào là các dãy núi trung bình với độ cao khoảng 1800 m; -trung tâm là các dãy núi, cao nguyên đá vôi xen kẽ những bồn địa, lòng chảo. Ở Bắc Trung Bộ, vùng núi Trường Sơn Bắc có các dãy núi chạy song song và so le nhau theo hướng tây bắc – đông nam và mở rộng về phía biển; dải đồng bằng nhỏ hẹp với nhiều đồi núi sót, có nhiều cồn cát, đầm phá. Khu vực ven biển có kiểu địa hình bồi tụ – mài mòn. Thềm lục địa càng vào nam càng thu hẹp. Vùng biển có một số đảo như: Cồn Cỏ, hòn Mê, hòn Ngự,...

Chọn A.

Câu 14 (VD):

Phương pháp:

Phân tích biểu đồ.

Cách giải:

- A sai vì. Nuôi thủy sản khác tăng từ 17,1 nghìn ha lên 17,5 nghìn ha.

- B sai vì Nuôi tôm năm 2022 có diện tích giảm 5,7 nghìn ha so với 2021.

- C sai vì Nuôi thủy sản khác tăng từ 17,1 nghìn ha lên 17,5 nghìn ha.
- D đúng. Nuôi tôm hàng năm luôn đứng đầu về diện tích thu hoạch thủy sản nội địa.

Chọn D.

Câu 15 (VD):

Phương pháp:

Vận dụng kiến thức đã học phần dân cư và tài nguyên thiên nhiên.

Cách giải:

Hậu quả nghiêm trọng nhất của tình trạng di dân tự do tới những vùng trung du và miền núi ở nước ta là tài nguyên và môi trường ở các vùng nhập cư bị suy giảm. Di dân tự do từ các vùng đồng bằng lên các vùng trung du và miền núi dẫn tới gia tăng dân số đột ngột tại các khu vực này. Điều này dẫn đến việc khai thác tài nguyên thiên nhiên quá mức (tài nguyên rừng, khoáng sản,...), làm suy giảm chất lượng đất đai, nguồn nước và sinh thái địa phương. Ngoài ra, sự phát triển nhanh chóng có thể gây ra nạn phá rừng, ô nhiễm môi trường và giảm khả năng phục hồi của hệ sinh thái.

Chọn D.

Câu 16 (VD):

Phương pháp:

Dựa vào kiến thức đã học phần công nghiệp.

Cách giải:

Sản lượng than ở nước ta có xu hướng tăng trong thời gian gần đây do nhu cầu tiêu thụ mở rộng, đầu tư trang thiết bị khai thác hiện đại. Việt Nam hiện nay đang tập trung phát triển ngành khai thác than phục vụ nhu cầu trong nước và xuất khẩu. Các yếu tố như nhu cầu năng lượng tăng, đặc biệt là từ các nhà máy nhiệt điện, và việc đầu tư vào công nghệ khai thác hiện đại giúp nâng cao hiệu quả khai thác, từ đó làm tăng sản lượng than. Đồng thời, việc cải thiện cơ sở hạ tầng và các phương pháp khai thác tiên tiến cũng đóng góp vào xu hướng này.

Chọn C.

Câu 17 (VD):

Phương pháp:

Vận dụng kiến thức đã học phần trồng trọt.

Cách giải:

Xuất khẩu trái cây nước ta có xu hướng tăng mạnh trong những năm gần đây chủ yếu do thị trường mở rộng, công nghiệp chế biến phát triển. Việt Nam đã mở rộng được nhiều thị trường xuất khẩu trái cây, đặc biệt là sang các quốc gia khó tính như Mỹ, Nhật Bản, Trung Quốc... Đồng thời, ngành công nghiệp chế biến trái cây cũng phát triển, giúp nâng cao chất lượng sản phẩm và đáp ứng tốt yêu cầu của các thị trường quốc tế.

Chọn D.

Câu 18 (VDC):

Phương pháp:

Vận dụng kiến thức đã học phần Thiên nhiên nhiệt đới ẩm gió mùa và Thiên nhiên phân hóa đa dạng.

Cách giải:

Chế độ nhiệt vùng núi Đông Bắc nước ta khác với vùng núi Tây Bắc chủ yếu do tác động của gió mùa Đông Bắc và hướng các dãy núi.

- Vùng núi Đông Bắc là khu vực đầu tiên và chịu ảnh hưởng mạnh mẽ nhất của gió mùa Đông Bắc nên có một mùa đông lạnh, đến sớm.

- Vùng núi Tây Bắc: Do ảnh hưởng của dãy Hoàng Liên Sơn cao đồ sộ, chạy hướng Tây Bắc – Đông Nam đã tạo nên bức chắn địa hình lớn, ngăn cản gió mùa Đông Bắc xâm nhập mạnh và tràn sang phía Tây. => Khiến vùng núi Tây Bắc có mùa đông ẩm hơn (bớt lạnh hơn) so với Đông Bắc.

Chọn B.

PHẦN II. Câu trắc nghiệm đúng sai. Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 4. Trong mỗi ý a), b), c), d) ở mỗi câu, thí sinh chọn đúng hoặc sai

Câu	1	2	3	4
Đáp án	ĐSĐS	ĐĐSS	ĐĐĐS	SĐSS

Câu 1 (VD):

Phương pháp:

Vận dụng kiến thức phần thiên nhiên nhiệt đới ẩm gió mùa.

Cách giải:

a) Đúng. Đặc điểm của khí hậu nhiệt đới ẩm gió mùa: Nhiệt độ trung bình năm đều lớn hơn 20°C (trừ vùng núi cao). Lượng mưa trung bình năm 1500 – 2000mm/năm, độ ẩm trên 80%.

b) Sai. Trên lãnh thổ nước ta không chỉ có gió mùa hoạt động. Cụ thể:

- Gió Tín phong (gió Mậu dịch) do nước ta nằm hoàn toàn trong vùng nội chí tuyến bán cầu Bắc. Gió này hoạt động quanh năm trong khu vực nội chí tuyến.

- Gió mùa: nước ta nằm trong khu vực có gió mùa điển hình trên thế giới. Mùa đông gió có hướng Đông Bắc, mùa hạ gió có hướng Tây Nam và Đông Nam.

c) Đúng. Do nằm trong vùng nội chí tuyến nên nước ta có góc chiếu sáng lớn, mỗi năm có hai lần Mặt Trời lên thiên đỉnh, tổng bức xạ lớn, cân bằng bức xạ dương quanh năm => Nước ta có nhiệt độ trung bình năm cao, chan hòa ánh nắng.

d) Sai. Lượng mưa ở nước ta phân bố không đồng đều theo lãnh thổ chủ yếu do tác động kết hợp của đặc điểm địa hình và hoàn lưu khí quyển trong năm.

Câu 2 (VD):

Phương pháp:

Vận dụng kiến thức phân đô thị hóa và vùng biển Việt Nam.

**Đô thị biển là đô thị có mối quan hệ tương tác hữu cơ với không gian biển, có nền kinh tế gắn với đại dương, có lối sống đô thị đặc trưng gắn với nước tạo lập không gian văn hoá biển; có môi trường biển tác động trực tiếp đến vận hành của đô thị.*

Cách giải:

a) Đúng. Nước ta đang xây dựng các hành lang đô thị, dải đô thị ven biển nhằm tận dụng vị trí chiến lược và phát triển các khu vực đô thị này một cách bền vững.

b) Đúng. Việc phát triển các chuỗi đô thị ven biển ở Việt Nam dựa vào nhiều yếu tố thuận lợi như vị trí địa lý, cơ sở vật chất, hạ tầng phát triển và nền kinh tế đang ngày càng phát triển, tạo ra cơ hội lớn cho các khu vực ven biển.

c) Sai.

- Đồng bằng sông Hồng có nhiều đô thị biển nhất nước ta. Tính đến năm 2020, số lượng đô thị có biển từ loại IV trở lên gồm 41 đô thị, tập trung ở đồng bằng sông Hồng là 07 đô thị, ở Bắc Trung Bộ - Duyên hải miền Trung là 25 đô thị, ở Đông Nam Bộ là 03 đô thị và Đồng bằng sông Cửu Long là 06 đô thị.

- Năm 2021, Trung du và miền núi Bắc Bộ là vùng có số lượng đô thị nhiều nhất (158 đô thị), tiếp đến là vùng Đồng bằng sông Cửu Long (154 đô thị) và Đồng bằng sông Hồng (140 đô thị).

d) Sai. Mặc dù các đô thị ven biển phát triển nhanh nhờ thu hút vốn đầu tư nước ngoài và phát triển du lịch, nhưng nguyên nhân chính không chỉ là yếu tố này. Còn có các yếu tố khác như chiến lược phát triển kinh tế biển, cơ sở hạ tầng cải thiện, và sự chuyển đổi cơ cấu kinh tế trong vùng.

Câu 3 (VD):

Phương pháp:

Dựa vào đặc điểm ngành công nghiệp dệt - may và liên hệ kiến thức thực tế.

Cách giải:

a) Đúng. Dệt may là ngành truyền thống lâu đời ở nước ta, với lịch sử phát triển lâu dài, đặc biệt là ở các tỉnh như Nam Định, Thái Bình, nơi có các làng nghề dệt truyền thống.

b) Đúng. Việc đẩy mạnh phát triển ngành dệt may có thể tạo ra vấn đề môi trường lớn, đặc biệt là trong việc xử lý chất thải, nước thải và khí thải từ các cơ sở sản xuất. Các nhà máy dệt may cần phải có biện pháp bảo vệ môi trường để giảm thiểu tác động tiêu cực.

c) Đúng. Ngành dệt may đóng góp quan trọng vào sự phát triển của nền kinh tế, bao gồm việc tạo công ăn việc làm cho nhiều lao động, phát triển các ngành công nghiệp phụ trợ, và có ảnh hưởng đến nông nghiệp, đặc biệt trong việc cung cấp nguyên liệu thô (như bông, vải sợi).

d) Sai. Trong giai đoạn tới, với việc áp dụng máy móc hiện đại vào sản xuất, lực lượng lao động thủ công sẽ không còn là yếu tố chủ yếu trong ngành dệt may. Ngành này sẽ chuyển hướng sang sử dụng các công nghệ tự động và tiên tiến, giúp nâng cao năng suất và giảm bớt sự phụ thuộc vào lao động thủ công.

Câu 4 (VD):

Phương pháp:

Nhận xét biểu đồ.

Công thức tính năng suất: Năng suất = Sản lượng : Diện tích

1 tấn = 10 tạ.

Cách giải:

a) Sai. Biểu đồ cho thấy sản lượng lúa có sự biến động qua các năm, nhưng không có sự giảm liên tục. Diện tích lúa tăng nhẹ trong giai đoạn 2014 – 2017. Sản lượng lúa tăng nhẹ trong giai đoạn 201 – 2012.

b) Đúng.

Đổi: 568,7 nghìn ha = 0,5687 triệu ha

Năng suất = $3,53 : 0,5687 \approx 6,207$ tấn/ha $\approx 62,1$ tạ/ha.

c) Sai.

Năng suất lúa năm 2010 = $3,59 : 0,5678 \approx 63,2$ tạ/ha.

Năng suất lúa năm 2012 = $3,73 : 0,5652 \approx 66$ tạ/ha.

Năng suất lúa năm 2014 = $3,65 : 0,5579 \approx 65,4$ tạ/ha.

Năng suất lúa năm 2017 = $3,53 : 0,5687 \approx 6,207$ tấn/ha $\approx 62,1$ tạ/ha.

→ Năng suất lúa biến động.

d) Sai. Sản lượng và năng suất lúa biến động.

PHẦN III. Câu trắc nghiệm trả lời ngắn. Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 6

Câu	1	2	3	4	5	6
Đáp án	203	2,8	0,85	55,7	2,5	62,7

Câu 1 (TH):

Phương pháp:

Công thức tính:

Số giờ nắng trung bình các tháng trong năm = Tổng số giờ nắng 12 tháng : 12

Cách giải:

Số giờ nắng trung bình tại trạm quan trắc Quy Nhơn năm 2021 = $(108,4 + 203,9 + \dots + 101,9) : 12 \approx 203$ giờ.

Câu 2 (TH):

Phương pháp:

Công thức tính: Nhiệt độ trung bình năm = Tổng nhiệt độ trung bình 12 tháng : 12

Cách giải:

Nhiệt độ trung bình năm của Hà Nội = $(18,6 + 15,3 + \dots + 17,8) : 12 \approx 25^\circ\text{C}$.

Nhiệt độ trung bình năm của Cà Mau = $(27,1 + 27,9 + \dots + 26,6) : 12 \approx 27,8^\circ\text{C}$.

→ Nhiệt độ trung bình năm của Hà Nội thấp hơn nhiệt độ trung bình năm của Cà Mau $2,8^\circ\text{C}$.

Câu 3 (VD):

Phương pháp:

Công thức tính: Gia tăng dân số tự nhiên = Tỉ suất sinh – Tỉ suất tử

Cách giải:

Tỉ lệ gia tăng tự nhiên của nước ta = $14,2 - 5,7 = 8,5\% = 0,85\%$.

Câu 4 (VD):

Phương pháp:

Công thức tính:

Tổng sản lượng thủy sản = sản lượng thủy sản khai thác + sản lượng thủy sản nuôi trồng

Tỉ trọng = $(\text{Giá trị thành phần} : \text{Tổng giá trị}) \times 100$

Cách giải:

Ta có:

Tổng sản lượng thủy sản = $3,9 + 4,9 = 8,8$ triệu tấn.

Tỉ trọng sản lượng thủy sản nuôi trồng = $4,9 : 8,8 \times 100 \approx 55,7\%$.

Câu 5 (VD):

Phương pháp:

Công thức tính:

Sản lượng điện bình quân đầu người = Tổng sản lượng điện : Tổng dân số

Cách giải:

Đổi: 98,5 triệu người = 0,0985 tỉ người.

Sản lượng điện bình quân đầu người = $244,9 : 0,0985 \approx 2486,3 \text{ kWh/người} = 2,5$ nghìn kWh/người.

Câu 6 (VD):

Phương pháp:

Công thức tính:

Tổng số dân = Số dân thành thị + Số dân nông thôn

Tỉ lệ dân số nông thôn = $(\text{Số dân nông thôn} : \text{Tổng số dân}) \times 100$

Cách giải:

Số dân nông thôn ở nước ta năm 2022 = $99,5 - 37,1 = 62,4$ triệu người.

Tỉ lệ dân số nông thôn ở nước ta năm 2022 = $62,4 : 99,5 \times 100 \approx 62,7\%$.